TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 25/01/2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương.

2/ Bà Nguyễn Thị Lượng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh– Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 751/2021 HNST ngày 26/4/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6082/2021/QĐXX-ST ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐXX-ST ngày 04/01/2022 giữa các đương sự.

+ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 42/6A đường số X, khu phố Y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: 63/54 đường số X, khu phố Y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn C tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/01/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì mâu thuẫn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống. Nhận thấy múc đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng sống ly thân

nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Văn C.

+ Về con chung: Bà H xác định không có.

+ Về tài sản chung: Bà H xác định hai vợ chồng không có tài sản chung.

+ Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

** Bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có bản tự khai trình bày ý kiến của mình.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1) Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

+ Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn C là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Lê Văn C đã được Công an phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ông Lê Văn C cư ngụ tại địa chỉ 63/54 đường số X, khu phố Y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, các đương sự cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại các Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C. Bị đơn ông Lê Văn C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án lần thứ hai. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2) Về các yêu cầu của đương sự:

a) Về hôn nhân:

Căn cứ giấy trích lục kết hôn đã thể hiện Giấy chứng nhận kết hôn số 07 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2019 có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Bà H xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hiện nay sống ly thân nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông C. Bên cạnh đó ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng ông C không đến đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

b) Về con chung và nuôi dưỡng con chung:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

c) Về tài sản chung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xác định về tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

d) Về khoản nợ:

Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3) Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Văn C.

1.2 Về con chung: Không có.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có.

2/ Về án phí sơ thẩm: Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0059069 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND phường L,
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Lưu